

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 46

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Hội đồng quản trị			
Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch	24 tháng 04 năm 2015	-
Ông Phạm Mạnh Đức	Chủ tịch	20 tháng 04 năm 2012	24 tháng 04 năm 2015
Ông Trần Đình Phú	Thành viên	20 tháng 04 năm 2012	24 tháng 04 năm 2015
Ông Trần Văn Châu	Thành viên	02 tháng 12 năm 2006	-
Ông Lê Trọng Hiếu	Thành viên	02 tháng 12 năm 2006	-
Ông Trần Phát Minh	Thành viên	29 tháng 04 năm 2008	-
Bà Lê Thị Thanh Tâm	Thành viên	02 tháng 12 năm 2006	-
Bà Nguyễn Thị Kim Xuyên	Thành viên	02 tháng 12 năm 2006	-
Ông Hồ Văn Lâm	Thành viên	24 tháng 04 năm 2015	-
Ban kiểm soát			
Bà Dương Quỳnh Nga	Trưởng ban	04 tháng 05 năm 2011	-
Ông Dương Nam Sơn	Ủy viên	20 tháng 04 năm 2012	-
Ông Lê Hùng Cường	Ủy viên	07 tháng 05 năm 2010	-
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Ủy viên	07 tháng 05 năm 2010	-
Bà Hoàng Thị Hồng Hà	Ủy viên	04 tháng 05 năm 2011	-
Ban Giám đốc			
Ông Lê Trọng Hiếu	Giám đốc	20 tháng 04 năm 2012	-
Ông Nguyễn Hữu Hiệp	Phó Giám đốc	20 tháng 04 năm 2012	-
Bà Lê Thị Thanh Tâm	Phó Giám đốc	29 tháng 01 năm 2007	-
Bà Lại Thị Thu	Kế toán trưởng	29 tháng 01 năm 2007	-

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Lê Trọng Hiếu chức danh Giám đốc/ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc



LÊ TRỌNG HIẾU - Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn, được lập ngày 04 tháng 03 năm 2016, từ trang 6 đến trang 46 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 03 năm 2016

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



VÕ THỊ THU HUƠNG - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0455-2013-037-1

NGUYỄN THỊ THƠM - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0787-2013-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B01-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		96.309.233.900	120.742.236.755
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	55.240.656.991	40.534.586.598
1. Tiền	111		5.440.656.991	3.402.476.044
2. Các khoản tương đương tiền	112		49.800.000.000	37.132.110.554
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	47.600.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	-	47.600.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.915.027.028	15.725.365.385
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	3.266.712.815	4.475.881.198
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	11.051.177.249	8.283.235.156
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	4.284.513.478	4.614.013.637
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.687.376.514)	(1.647.764.606)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	16.205.554.599	13.130.589.636
Hàng tồn kho	141		16.205.554.599	13.130.589.636
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.947.995.282	3.751.695.136
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.231.533.332	29.379.998
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.716.461.950	3.722.315.138
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		309.279.089.557	236.184.769.819
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		112.343.501	138.878.880
Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	112.343.501	138.878.880
II. Tài sản cố định	220		219.394.000.337	210.488.370.978
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	219.161.799.034	209.984.267.764
Nguyên giá	222		609.244.763.723	569.719.162.202
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(390.082.964.689)	(359.734.894.438)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	232.201.303	504.103.214
Nguyên giá	228		3.440.946.666	3.215.946.666
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.208.745.363)	(2.711.843.452)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	19.245.739.006	24.182.230.503
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		19.245.739.006	24.182.230.503
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		8.330.000	8.330.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	8.330.000	8.330.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		70.518.676.713	1.366.959.458
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	70.518.676.713	1.366.959.458
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		405.588.323.457	356.927.006.574

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		194.258.365.654	153.426.581.408
I. Nợ ngắn hạn	310		164.552.404.038	122.072.029.935
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	56.477.339.535	25.444.285.612
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	1.437.322.226	2.075.082.766
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	10.035.201.600	12.731.549.768
4. Phải trả người lao động	314		12.195.488.475	12.698.705.785
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	64.157.915.986	25.640.202.261
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	15.619.696.967	37.532.972.027
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	2.502.862.548	3.123.786.161
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	2.126.576.701	2.825.445.555
II. Nợ dài hạn	330		29.705.961.616	31.354.551.473
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	22.006.842.532	21.152.569.841
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	7.699.119.084	10.201.981.632
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		211.329.957.803	203.500.425.166
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	211.329.957.803	203.500.425.166
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		130.000.000.000	130.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>130.000.000.000</i>	<i>130.000.000.000</i>
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		51.992.092.191	46.441.673.683
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		29.337.865.612	27.058.751.483
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>1.730.953.020</i>	<i>27.058.751.483</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>27.606.912.592</i>	<i>-</i>
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		405.588.323.457	356.927.006.574

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 03 năm 2016



[Signature]
LẠI THỊ THU
 Kế toán trưởng

[Signature]
VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
 Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		853.328.002.350	794.284.587.783
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		226.949.094	302.277.264
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	853.101.053.256	793.982.310.519
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	815.551.034.864	734.800.359.465
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		37.550.018.393	59.181.951.054
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.555.991.197	3.783.052.593
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.334.514.732	1.676.027.627
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.334.514.732	1.676.027.627
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	10.297.663.925	9.381.564.550
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	24.893.620.357	23.884.312.038
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.580.210.576	28.023.099.432
11. Thu nhập khác	31	VI.11	33.917.072.715	7.166.358.425
12. Chi phí khác	32		4.417.680.206	4.269.902.352
13. Lợi nhuận khác	40	VI.7	29.499.392.509	2.896.456.073
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		34.079.603.085	30.919.555.505
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	6.472.690.493	6.646.459.204
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		27.606.912.592	24.273.096.301
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a	1.685	1.446
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9b	1.685	1.446

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 03 năm 2016



LẠI THỊ THU
Kế toán trưởng

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			2015	2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		34.079.603.085	30.919.555.505
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		38.069.835.473	38.172.340.343
- Các khoản dự phòng	03		39.611.908	(44.462.165)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(31.954.420.928)	(5.407.620.715)
- Chi phí lãi vay	06		1.334.514.732	1.676.027.627
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		41.569.144.270	65.315.840.595
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.499.206.648)	1.527.123.998
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.074.964.963)	1.106.367.931
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp)	11		42.951.227.729	24.985.114.042
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(70.353.870.589)	(11.610.606.327)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.334.514.732)	(1.676.027.627)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.078.756.867)	(9.675.977.763)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		46.030.000	1.805.188.842
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.222.278.809)	(6.076.573.928)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(9.997.190.609)	65.700.449.763
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	VII	(19.712.581.676)	(23.931.786.008)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		10.330.367.000	949.693.304
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(61.924.493.025)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		47.600.000.000	39.930.282.475
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.858.312.861	3.974.615.104
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		42.076.098.185	(41.001.688.150)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.123.786.161)	(3.113.735.932)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.249.051.022)	(16.740.487.730)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(17.372.837.183)	(19.854.223.662)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		14.706.070.393	4.844.537.951
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		40.534.586.598	35.690.048.647
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	55.240.656.991	40.534.586.598

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 03 năm 2016



LẠI THỊ THU
Kế toán trưởng

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (tên giao dịch: Cho Lon Wasuco JSC) là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn thuộc Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005924 ngày 16 tháng 01 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ nhất lần thứ nhất ngày 02 tháng 06 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ hai số 0304797806 ngày 16 tháng 05 năm 2012, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật Ông Lê Trọng Hiếu thay thế Ông Phạm Mạnh Đức.

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 223/2010/QĐ-SGDHCM ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với số lượng 13.000.000 cổ phiếu niêm yết tương ứng 130.000.000.000 VND. Ngày 11 tháng 01 năm 2011, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn đã chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là CLW.

- **Vốn điều lệ** : 13.000.000.000 VND
- Số cổ phiếu : 13.000.000 cổ phiếu
- Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

• Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 97 đường Phạm Hữu Chí, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84-08) 3 9552 354
- Fax : (84-08) 3 9550 424
- Mã số thuế : 0 3 0 4 7 9 7 8 0 6

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Ngành, nghề kinh doanh

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn);
- Tư vấn xây dựng công trình cấp nước – dân dụng – công nghiệp (trừ: khảo sát xây dựng, giám sát thi công);
- Xây dựng công trình cấp nước;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Lập dự án;
- Thẩm tra thiết kế;
- Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước;
- Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước;
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành cấp nước;
- Đại lý ký gửi hàng hóa./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 416 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 397 người).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.2, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 200 thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại để phù hợp với số liệu so sánh với số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, xem Thuyết minh số VIII.4.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là kỳ kế toán năm thứ 09 của Công ty kể từ ngày chính thức chuyển sang công ty Cổ Phần.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Áp dụng hướng dẫn Chế độ kế toán mới và thay đổi chính sách kế toán

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho kỳ kế toán năm bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 trở đi. Thông tư 200 thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Đồng thời

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng, phải thu tiền thi công xây dựng các công trình, phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại, các khoản phụ không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày lập Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 07
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Phương tiện vận tải	03 - 06
Phương tiện truyền dẫn	05 - 10

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định của Công ty thể hiện phần mềm máy tính.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,.. tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển chi phí vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị nhỏ)/ chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào "Tài sản cố định" khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích (chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất kinh doanh).

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản chi phí mua bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên, chi phí gắn mới và thay thế đồng hồ nước, chi phí cải tạo ống mục và chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân bổ vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân bổ vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Chi phí gắn mới và thay thế đồng hồ nước định kỳ, chi phí cải tạo ống mục được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Không giống như các năm trước đây Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn bán nước sạch cho Công ty qua đồng hồ tiêu thụ của khách hàng. Năm 2015 Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn bán nước sạch cho Công ty qua đồng hồ tổng. Việc thay đổi phương pháp xác định sản lượng nước sạch bán sẽ dẫn đến phương pháp xác định giá phí cũng thay đổi theo. Các chi phí phát sinh liên quan đến gắn mới và thay thế đồng hồ nước định kỳ cũng như chi phí sửa chữa cải tạo ống mục trong năm được hạch toán vào tài khoản 242 “chi phí trả trước” và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Việc thay đổi chính sách kế toán phân bổ chi phí trả trước đã làm chi tiêu “Chi phí trả trước dài hạn” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và chi tiêu “Giá vốn hàng bán” trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 tăng lên với số tiền lần lượt là 69.704.106.152 VND và 30.009.465.311 VND, đây chính là giá trị của các chi phí gắn mới và thay thế đồng hồ nước định kỳ, chi phí cải tạo ống mục còn được phân bổ tại ngày cuối năm và đã được phân bổ trong năm. Điều này cũng đã làm cho kết quả hoạt động kinh doanh (lợi nhuận trước thuế) năm nay giảm xuống tương ứng với số tiền là 30.009.465.311 VND.

- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa văn phòng làm việc, được phân bổ vào Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.
- Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, Công ty tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: cổ tức và lợi nhuận phải trả; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả bồi thường, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

13. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trong trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi nhận giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập Báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

16. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Theo biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009, Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đến hết kỳ tính thuế năm 2008, Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau: Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009. Năm nay là năm thứ 7 Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Tiền mặt	9.821.995	31.520.580
Tiền gửi ngân hàng	5.430.834.996	3.370.955.464
Các khoản tương đương tiền (i)	49.800.000.000	37.132.110.554
Cộng	<u>55.240.656.991</u>	<u>40.534.586.598</u>

- (i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại ngân hàng thương mại Cổ Phần Sài Gòn chi nhánh Bình Tây và ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn chi nhánh Hòa Bình với lãi suất 4 - 5% /năm (năm 2014: 5,3%/năm).

2. Các khoản đầu tư tài chính

	<u>31/12/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
a) <i>Ngắn hạn</i>	-	-	47.600.000.000	47.600.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	47.600.000.000	47.600.000.000
b) <i>Dài hạn</i>	8.330.000	8.330.000	8.330.000	8.330.000
Các khoản đầu tư khác (i)	8.330.000	8.330.000	8.330.000	8.330.000
Cộng	<u>8.330.000</u>	<u>8.330.000</u>	<u>47.608.330.000</u>	<u>47.608.330.000</u>

- (i) Khoản đầu tư khác phản ánh khoản tiền mua 922 cổ phiếu của ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khách hàng liên quan đến ngành nước	3.266.712.815	1.364.979.335	4.475.881.198	1.325.367.427
Cộng	3.266.712.815	1.364.979.335	4.475.881.198	1.325.367.427

Trong đó phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	4.824.731	-	118.106.686	-
Cộng	4.824.731	-	118.106.686	-

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2015	31/12/2014
Công ty CP Cơ Khí Công Trình Cấp Nước	42.842.836	334.262.267
Công ty CP Tư Vấn XD Cấp Nước	530.176.060	509.716.595
Công ty TNHH Hải Hoàng Dương	1.614.682.386	1.447.838.066
CN Công ty CP TVĐT&TKXD Miền Nam (Công ty TNHH TVTKXD Miền Nam)	-	289.902.299
CN Tổng Công ty Cơ Điện-XDNN	-	348.040.000
Công ty TNHH XDBCN & Đường Ong Hoàng Thăng	810.821.820	810.821.820
Công ty CP Đầu tư Vạn Phúc Hưng	491.261.854	491.261.854
Công ty TNHH CTCTN&HT Đ.Thị M.A.T	-	-
Công ty TNHH Đan Vĩ	-	1.000.778.585
Công ty QL CTGT Sài Gòn	146.817.731	2.202.473.127
Công ty CP Xây dựng số 5	2.674.701.596	-
Công ty TNHH TMXD KT Cơ Điện Toàn Cầu	2.040.421.722	-
Công ty TNHH DV TM TK Thành Mỹ	322.088.250	-
Công ty TNHH MTV TMDV & KT Ánh Sáng Việt	1.255.928.710	-
Nhà cung cấp khác	1.121.434.284	848.140.543
Cộng	11.051.177.249	8.283.235.156

Trong đó trả trước người bán là các bên liên quan

	31/12/2015	31/12/2014
Công ty CP Tư Vấn XD Cấp Nước	530.176.060	509.716.595
Cộng	530.176.060	509.716.595

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu khác

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khác	4.284.513.478	322.397.179	4.614.013.637	322.397.179
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	2.907.196.636	-	2.872.765.106	-
Phải thu về khoản cho mượn vật tư	937.765.459	-	988.590.039	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	66.305.556	-	302.321.664	-
Phải thu khác	345.221.745	322.397.179	366.511.828	322.397.179
Tạm ứng	28.024.082	-	83.825.000	-
Phải thu dài hạn khác	112.343.501	-	138.878.880	-
Ký quỹ dài hạn	112.343.501	-	138.878.880	-
Cộng	4.396.856.979	322.397.179	4.752.892.517	322.397.179

Trong đó phải thu khác là các bên liên quan

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	2.907.196.636	-	2.872.765.106	-
Cộng	2.907.196.636	-	2.872.765.106	-

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2015			31/12/2014		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khách hàng	2.735.661.841	1.370.682.506	1.364.979.335	1.859.286.026	533.918.599	1.325.367.427
Phải thu ngắn hạn khác	322.397.179	-	322.397.179	322.397.179	-	322.397.179
Cộng	3.058.059.020	1.370.682.506	1.687.376.514	2.181.683.205	533.918.599	1.647.764.606

7. Hàng tồn kho

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	12.100.016.476	-	10.997.996.081	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.105.538.123	-	2.132.593.555	-
Cộng	16.205.554.599	-	13.130.589.636	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	1.231.533.332	29.379.998
Công cụ dụng cụ	486.333.332	-
Phần mềm diệt virus	-	29.379.998
Bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên	745.200.000	-
b) Chi phí trả trước dài hạn	70.518.676.713	1.366.959.458
Chi phí sửa chữa văn phòng	691.903.531	1.121.625.399
Gắn đồng hồ nước theo NĐ 117	55.956.976.215	-
Công trình cải tạo ống mục	9.759.654.597	-
Thay đồng hồ nước	3.987.475.340	-
Chi phí khấu hao TSCĐ nhận bàn giao từ Tổng công ty cấp nước Sài Gòn từ các năm trước	122.667.030	245.334.059
Cộng	<u>71.750.210.045</u>	<u>1.396.339.456</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
01/01/2015	2.015.263.000	1.531.852.486	554.226.268.897	11.945.777.819	569.719.162.202
Tăng trong năm	-	59.200.000	49.615.864.502	2.097.699.000	51.772.763.502
Mua trong năm	-	59.200.000	595.069.972	2.097.699.000	2.751.968.972
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	48.720.505.899	-	48.720.505.899
Tăng theo quyết toán	-	-	300.288.631	-	300.288.631
Giảm trong năm	1.776.689.000	-	10.470.472.981	-	12.247.161.981
Thanh lý, nhượng bán	1.776.689.000	-	-	-	1.776.689.000
Giảm nguyên giá theo quyết toán	-	-	1.270.018.808	-	1.270.018.808
Bồi thường di dời	-	-	9.200.454.173	-	9.200.454.173
31/12/2015	238.574.000	1.591.052.486	593.371.660.418	14.043.476.819	609.244.763.723
Giá trị hao mòn lũy kế					
01/01/2015	1.561.918.327	1.427.193.594	350.898.320.093	5.847.462.424	359.734.894.438
Tăng trong năm	29.611.485	47.329.441	35.851.085.967	2.054.821.486	37.982.848.379
Khấu hao trong năm	29.611.485	47.329.441	35.851.085.967	2.054.821.486	37.982.848.379
Giảm trong năm	1.352.955.812	-	6.281.822.316	-	7.634.778.128
Bồi thường di dời	-	-	5.871.907.499	-	5.871.907.499
Thanh lý, nhượng bán	1.352.955.812	-	-	-	1.352.955.812
Giảm khác	-	-	409.914.817	-	409.914.817
31/12/2015	238.574.000	1.474.523.035	380.467.583.744	7.902.283.910	390.082.964.689

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
Giá trị còn lại					
31/12/2014	453.344.673	104.658.892	203.327.948.804	6.098.315.395	209.984.267.764
31/12/2015	-	116.529.451	212.904.076.674	6.141.192.909	219.161.799.034
Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng, chi tiết:					
31/12/2014	238.574.000	1.319.886.486	223.793.842.852	2.262.062.795	227.614.366.133
31/12/2015	238.574.000	1.319.886.486	220.611.019.292	2.682.726.768	224.852.206.546

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm Quản lý	Cộng TSCĐ vô hình
I. Nguyên giá		
01/01/2015	3.215.946.666	3.215.946.666
Tăng trong năm	225.000.000	225.000.000
<i>Do mua sắm</i>	225.000.000	225.000.000
Giảm trong năm	-	-
31/12/2015	3.440.946.666	3.440.946.666
II. Hao mòn lũy kế		
01/01/2015	2.711.843.452	2.711.843.452
Tăng trong năm	496.901.911	496.901.911
Giảm trong năm	-	-
31/12/2015	3.208.745.363	3.208.745.363
III. Giá trị còn lại		
31/12/2014	504.103.214	504.103.214
31/12/2015	232.201.303	232.201.303
Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:		
31/12/2014	1.848.200.333	1.848.200.333
31/12/2015	2.787.446.666	2.787.446.666

11. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2015	31/12/2014
Xây dựng cơ bản dở dang		
Sửa chữa nhà làm việc	7.833.443.562	1.201.479.425
Công trình đi dòi đường ống	3.947.673.882	5.401.181.112
Công trình chống thất thoát nước	308.420.207	151.576.067
Công trình cải tạo ống mục	2.863.212.681	12.658.407.628
Công trình ống cái	1.420.449.071	2.421.236.028
Phát triển mạng lưới	2.872.539.603	2.348.350.243
Cộng	19.245.739.006	24.182.230.503

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công Ty Cấp Nước Sài Gòn Công ty TNHH CTCTN&HT Đ.Thị M.A.T	55.138.494.438	55.138.494.438	22.130.004.005	22.130.004.005
Công ty CP ĐT XD & TM Thái Bình Dương	238.751.944	238.751.944	2.202.070.836	2.202.070.836
Công ty TNHH Ống gang cầu Đài Việt	251.612.154	251.612.154	251.612.154	251.612.154
Nhà cung cấp khác	848.480.999	848.480.999	724.088.617	724.088.617
Cộng	56.477.339.535	56.477.339.535	25.444.285.612	25.444.285.612

Trong đó phải trả người bán là bên liên quan

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công Ty Cấp Nước Sài Gòn	55.138.494.438	55.138.494.438	22.130.004.005	22.130.004.005
Cộng	55.138.494.438	55.138.494.438	22.130.004.005	22.130.004.005

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2015	31/12/2014
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	49.999.839	49.999.839
Truy thu tiền thất thoát nước	298.145.395	1.079.770.175
Tạm thu chi phí thiết kế ống nhánh	106.872.270	62.872.270
Ban Quản Lý Dự Án Cải tạo Kênh Ba Bò	610.065.610	610.065.610
Các khách hàng khác	372.239.112	272.374.872
Cộng	1.437.322.226	2.075.082.766

Trong đó người mua trả tiền trước là bên liên quan

	31/12/2015	31/12/2014
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	49.999.839	49.999.839
Cộng	49.999.839	49.999.839

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	01/01/2015	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2015
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp nội địa	-	49.874.650	49.874.650	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.547.999.134	6.472.690.493	9.078.756.867	2.941.932.760
Thuế thu nhập cá nhân	855.838	1.460.165.370	1.275.736.770	185.284.438

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	01/01/2015	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2015
Các loại thuế khác	7.182.694.796	81.515.190.890	81.789.901.284	6.907.984.402
- Phí bảo vệ môi trường	7.182.694.796	81.503.021.890	81.777.732.284	6.907.984.402
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
- Thuế khác	-	9.169.000	9.169.000	-
Cộng	12.731.549.768	89.497.921.403	92.194.269.571	10.035.201.600

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2015	31/12/2014
Trích trước chi phí thuê thực hiện các công trình phát triển mạng lưới ống nước nghiệm thu nhưng chưa quyết toán.	35.383.747.148	13.413.099.885
Trích trước chi phí gắn đồng hồ nước theo nghị định 117	27.131.148.697	8.824.390.662
Trích trước chi phí cung cấp dịch vụ	1.508.738.651	-
Thù lao HĐQT	108.000.000	108.000.000
Chi phí đầu tư ống cái phát triển ống cái cấp 3 không hoàn lại	-	2.902.886.008
Chi phí dự án di dời DD01/13	-	391.825.706
Phí dịch vụ kiểm toán	-	-
Chi phí kinh phí Đảng	26.281.490	-
Cộng	64.157.915.986	25.640.202.261

16. Phải trả khác

a) Phải trả ngắn hạn khác	15.619.696.967	37.532.972.027
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	11.695.848.413	13.229.536.477
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	68.000.000	68.000.000
Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm phải nộp	6.884.766	4.047.944
Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	2.871.100.397	1.698.117.380
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại để chi	5.394.988	9.271.802
Cổ tức phải trả cho cổ đông	955.091.956	904.142.978
Nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng:	-	21.602.479.000
<i>Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận 6</i>	-	21.602.479.000
Các khoản phải trả khác	17.376.447	17.376.446
b) Phải trả dài hạn khác	22.006.842.532	21.152.569.841
Phải trả khách hàng đầu tư ống cái gắn đồng hồ nước	22.006.842.532	21.152.569.841
Cộng	37.626.539.499	58.685.541.868
Trong đó phải trả khác là bên liên quan		
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	11.695.848.413	13.229.536.477
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	68.000.000	68.000.000
Cộng	11.763.848.413	13.297.536.477

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Vay và nợ tài chính**

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	3.123.786.161	3.123.786.161	2.502.862.548	3.123.786.161	2.502.862.548	2.502.862.548
Vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn đến hạn trả (Xem thuyết minh V.17b (i))	3.123.786.161	3.123.786.161	2.502.862.548	3.123.786.161	2.502.862.548	2.502.862.548
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	10.201.981.632	10.201.981.632	-	2.502.862.548	7.699.119.084	7.699.119.084
Vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (i)	10.201.981.632	10.201.981.632	-	2.502.862.548	7.699.119.084	7.699.119.084
Cộng	13.325.767.793	13.325.767.793	2.502.862.548	5.626.648.709	10.201.981.632	10.201.981.632

(i) Vay ngắn hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn theo các hợp đồng sau :

- [1] - Hợp đồng vay : Số Hợp đồng 1390/HĐVV- TCT - KTTC ngày 03 tháng 04 năm 2008
+ Hạn mức vay : 1.666.800.000 VND
+ Thời hạn trả nợ gốc : Sau 1 năm ân hạn, trả trong 36 kỳ. Mỗi kỳ 46.300.000 VND
+ Lãi vay : 8,4%/năm
+ Thời hạn vay : 10 năm
+ Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay
- [2] - Hợp đồng vay : Số Hợp đồng 1388/HĐVV - CT - KTTC ngày 03 tháng 04 năm 2008
+ Hạn mức vay : 5.688.000.000 VND
+ Thời hạn trả nợ gốc : Sau 1 năm ân hạn, trả trong 36 kỳ. Mỗi kỳ 158.000.000 VND
+ Lãi vay : 8,4%/năm

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- | | |
|----------------------------|---|
| + Thời hạn vay | : 10 năm |
| + Mục đích vay | : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước. |
| Tài sản đảm bảo | : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay |
| [3] - Hợp đồng vay | : Số Hợp đồng 4742/HĐVV - TCT – KTTC ngày 11 tháng 11 năm 2009 |
| + Hạn mức vay | : 705.845.000 VND |
| + Thời hạn trả nợ gốc | Sau 1 năm ân hạn, trả trong 36 kỳ. Từ kỳ 1 tới kỳ 35 19.606.805 VND, kỳ 36 trả 19.606.825 VND |
| + Lãi vay | : 8,4%/năm |
| + Thời hạn vay | : 10 năm |
| + Mục đích vay | : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước. |
| + Tài sản đảm bảo | : Tài sản hình thành từ vốn vay |
| [4] - Hợp đồng vay | : Số Hợp đồng 2363/HĐVV - TCT – KTTC ngày 05 tháng 08 năm 2010 |
| + Hạn mức vay | : 108.942.413 VND |
| + Thời hạn trả nợ gốc | Sau 1 năm ân hạn, trả trong 36 kỳ. Từ kỳ 1 tới kỳ 35 3.026.178 VND, kỳ 36 trả 3.026.183 VND |
| + Lãi vay | : 8,4%/năm |
| + Thời hạn vay | : 10 năm |
| + Mục đích vay | : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước. |
| + Tài sản đảm bảo | : Tài sản hình thành từ vốn vay |
| [5] - Hợp đồng vay | Số 3703/HĐVV-TCT-KTTC ngày 26/11/2012 |
| + Hạn mức vay | 2.555.536.000 VND |
| + thời gian ân hạn | 1 năm |
| + Kỳ hạn thanh toán nợ gốc | Chia 36 kỳ (3 tháng là 1 kỳ) (Từ kỳ 1 tới 35 là 70.987.000 VND; Kỳ 36 là 70.991.000 VND) |
| + Lãi vay | 11,4%/ năm |
| + Thời hạn vay | 10 năm |

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

+ Kỳ hạn thanh toán lãi	3 tháng 1 lần vào ngày làm việc cuối cùng của tháng cuối quý
+ Mục đích vay	: Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
+ Tài sản đảm bảo	: Tài sản hình thành từ vốn vay
[6] - Hợp đồng vay	Số 3710/HĐVV-TCT-KTTC ngày 26/11/2012
+ Hạn mức vay	5.239.758.000 VND
+ thời gian ân hạn	1 năm
+ Kỳ hạn thanh toán nợ gốc	Thanh toán trong 36 kỳ (3 tháng là 1 kỳ)
- Từ kỳ 1 tới 35 :	Dự án Phát triển mạng lưới cấp nước xã Phạm Văn Hai (Đợt 2) là 74.272.000/ kỳ Dự án Phát triển mạng lưới cấp nước xã Phạm Văn Hai (Đợt 3) là 71.276.000/ kỳ
- Kỳ 36	Dự án Phát triển mạng lưới cấp nước xã Phạm Văn Hai (Đợt 2) là 74.293.000/ kỳ Dự án Phát triển mạng lưới cấp nước xã Phạm Văn Hai (Đợt 3) là 71.285.000/ kỳ
+ Lãi vay	11,4%/ năm
+ Thời hạn vay	10 năm
+ Kỳ hạn thanh toán lãi	3 tháng 1 lần vào ngày làm việc cuối cùng của tháng cuối quý
+ Mục đích vay	: Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
+ Tài sản đảm bảo	: Tài sản hình thành từ vốn vay
[7] - Hợp đồng vay	Số 3702/HĐVV-TCT-KTTC ngày 26/11/2012
+ Hạn mức vay	8.155.804.000 VND
+ thời gian ân hạn	1 năm
+ Kỳ hạn thanh toán nợ gốc	Chia 36 kỳ (3 tháng là 1 kỳ) (Từ kỳ 1 tới 35 là 226.550.000 VND; Kỳ 36 là 226.554.000 VND)
+ Lãi vay	11,4%/ năm
+ Thời hạn vay	10 năm
+ Kỳ hạn thanh toán lãi	3 tháng 1 lần vào ngày làm việc cuối cùng của tháng cuối quý
+ Mục đích vay	: Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

+ Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay

Khoản vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Trong vòng 1 năm	2.502.862.548	3.123.786.161
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	6.406.633.426	8.031.251.162
Sau 5 năm	1.292.485.658	2.170.730.470
Cộng	<u>10.201.981.632</u>	<u>13.325.767.793</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(2.502.862.548)</u>	<u>(3.123.786.161)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>7.699.119.084</u>	<u>10.201.981.632</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Tại ngày 01 tháng 01	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Tại ngày 31 tháng 12
2014					
Quỹ khen thưởng	1.642.690.059	2.252.866.361	66.400.000	1.996.780.000	1.965.176.420
Quỹ phúc lợi	739.064.074	2.252.866.361	-	2.131.661.300	860.269.135
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	563.216.590	-	563.216.590	-
Cộng	2.381.754.133	5.068.949.312	66.400.000	4.691.657.890	2.825.445.555
2015					
Quỹ khen thưởng	1.965.176.420	2.434.391.091	45.730.000	2.991.820.000	1.453.477.511
Quỹ phúc lợi	860.269.135	2.434.391.091	300.000	2.621.861.036	673.099.190
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	608.597.773	-	608.597.773	-
Cộng	2.825.445.555	5.477.379.955	46.030.000	6.222.278.809	2.126.576.701

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
01/01/2014	130.000.000.000	22.715.880.043	10.813.660.474	37.666.737.661	201.196.278.178
Lãi trong năm trước	-	-	-	24.273.096.301	24.273.096.301
Trích lập các quỹ ĐTPT -DPTC	-	10.096.050.215	2.816.082.951	(12.912.133.166)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.068.949.313)	(5.068.949.313)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(16.900.000.000)	(16.900.000.000)
31/12/2014 (Trước khi trình bày lại)	130.000.000.000	32.811.930.258	13.629.743.425	27.058.751.483	203.500.425.166
Trình bày lại (xem Thuyết minh số VIII.4)	-	13.629.743.425	(13.629.743.425)	-	-
31/12/2014 (Đã trình bày lại)	130.000.000.000	46.441.673.683	-	27.058.751.483	203.500.425.166
Lãi trong năm nay	-	-	-	27.606.912.592	27.606.912.592
Trích lập các quỹ ĐTPT -DPTC	-	5.550.418.508	-	(5.550.418.508)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.477.379.955)	(5.477.379.955)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(14.300.000.000)	(14.300.000.000)

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
31/12/2015	130.000.000.000	51.992.092.191	-	29.337.865.612	211.329.957.803

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 2 số **0304797806** ngày 16 tháng 05 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 13.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 2		31/12/2015	31/12/2014
	VND	%	VND	VND
	Công ty Cổ phần Địa Ốc Chợ Lớn	3.000.000.000	2,31	3.000.000.000
Ngân hàng Thương mại CP Đông Á	2.766.520.000	2,13	2.766.520.000	2.766.520.000
Công ty Đầu Tư tài chính Nhà Nước Tp. HCM	3.005.000.000	2,31	3.005.000.000	3.005.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Nam	14.200.000.000	10,92	14.200.000.000	14.200.000.000
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	66.304.000.000	51,00	66.304.000.000	66.304.000.000
Các cổ đông khác	40.724.480.000	31,33	40.724.480.000	40.724.480.000
Cộng	130.000.000.000	100,00	130.000.000.000	130.000.000.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	31/12/2015	31/12/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.000.000	13.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 số 33/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2015 như sau:

	2015	2014
Quỹ đầu tư phát triển	5.550.418.508	12.912.133.166
Quỹ khen thưởng	2.434.391.091	2.252.866.361
Quỹ phúc lợi	2.434.391.091	2.252.866.361
Quỹ ban điều hành	608.597.773	563.216.591
Chia cổ tức	14.300.000.000	16.900.000.000
Cộng	25.327.798.463	34.881.082.479

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2015	2014
Doanh thu thuần	851.959.629.148	793.061.418.538
Doanh thu cung cấp nước	835.351.434.272	774.417.891.006
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.608.194.876	18.643.527.532
Doanh thu với bên liên quan	1.141.424.108	920.891.981
<i>Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn</i>	<i>1.141.424.108</i>	<i>920.891.981</i>
Cộng	853.101.053.256	793.982.310.519

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	2015	2014
Giá vốn cung cấp nước	804.980.646.578	724.864.998.895
Giá vốn cung cấp dịch vụ	10.570.388.286	9.935.360.570
Cộng	815.551.034.864	734.800.359.465

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	3.437.944.394	3.676.239.292
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	117.764.503	106.483.951
Cổ tức, lợi nhuận được chia	282.300	329.350
Cộng	3.555.991.197	3.783.052.593

4. Chi phí tài chính

Lãi tiền vay	1.334.514.732	1.676.027.627
Cộng	1.334.514.732	1.676.027.627

5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên bán hàng	7.967.449.892	7.615.013.121
Chi phí công cụ, dụng cụ	419.715.756	98.006.402
Chi phí khấu hao	434.016.042	388.726.349
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
Chi phí bằng tiền khác	1.476.482.235	1.279.818.678
Cộng	10.297.663.925	9.381.564.550

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	16.499.648.760	15.416.223.195
Chi phí vật liệu quản lý	135.753.991	153.861.335
Chi phí đồ dùng văn phòng	443.133.773	363.676.784
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.689.575.681	1.345.918.775
Thuế, phí và lệ phí	66.265.691	131.658.156
Chi phí dự phòng giảm giá	39.611.908	(44.462.165)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	452.929.998	384.605.897
Chi phí bằng tiền khác	5.566.700.555	6.132.830.061
Cộng	24.893.620.357	23.884.312.038

7. Lợi nhuận khác

Thu nhập khác	33.917.072.715	7.166.358.425
Thu nhập bán hồ sơ mời thầu	199.090.929	51.272.731
Thu nhập khách hàng đầu tư ống cái không hoàn lại	1.513.627.241	5.372.060.458
Tiền bồi thường di dời hệ thống cấp nước	32.150.709.593	1.635.537.926
Thu nhập khác	53.644.952	107.487.310

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	2015	2014
Chi phí khác	4.417.680.206	4.269.902.352
Chi phí hồ sơ mời thầu	44.674.270	22.720.047
Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý	3.752.279.862	-
Chi phí đầu tư không hoàn vốn ổng cái	(1.087.339.579)	4.199.917.216
Chi phí bồi thường, di dời	1.166.520.487	-
Chi phí khác	541.545.166	47.265.089
Lợi nhuận khác thuần	29.499.392.509	2.896.456.073

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2015	2014
Lợi nhuận kế toán trước thuế	34.079.603.085	30.919.555.505
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch	(4.640.032.336)	16.287.015.523
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	38.719.635.421	14.632.539.982
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:	654.547.128	-
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	654.547.128	-
- Các khoản chi phí không được khấu trừ	654.547.128	-
Tỷ lệ ưu đãi đầu tư kinh doanh nước sạch	45%	48%
Thu nhập tính thuế	34.734.150.213	30.919.555.505
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch được ưu đãi	(1.783.054.838)	7.792.150.359
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch không được ưu đãi	(2.202.430.370)	8.494.865.164
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	38.719.635.421	14.632.539.982
Thuế suất áp dụng		
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	5%	20%
- Đối với hoạt động kinh doanh không được ưu đãi	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh	7.641.513.047	6.646.459.204
Thuế TNDN giảm theo BB thanh tra thuế	(1.168.822.554)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	6.472.690.493	6.646.459.204

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Đối với hoạt động chính của Công ty thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm và với thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo kể từ năm 2007.

Theo biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009, Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đó đến hết kỳ tính thuế năm 2008, Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau: Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009.

Năm 2015 là năm thứ 7 Công ty được hưởng ưu đãi giảm thuế 50% đối với thu nhập từ hoạt động quản lý phát triển hệ thống cấp thoát nước.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đối với hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

9. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2015	2014
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	27.606.912.592	24.273.096.301
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(5.696.220.453)	(5.477.379.955)
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	21.910.692.139	18.795.716.346
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.000.000	13.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.685	1.446

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	27.606.912.592	24.273.096.301
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(5.696.220.453)	(5.477.379.955)
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	21.910.692.139	18.795.716.346
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	21.910.692.139	18.795.716.346
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	13.000.000	13.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.685	1.446

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	2015	2014
Chi phí nước sạch	664.433.768.304	560.528.870.787
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.794.921.573	39.015.844.586
Chi phí nhân công	82.569.478.128	76.662.749.243
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.192.502.503	38.295.007.373
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.486.630.943	4.857.702.274
Chi phí khác bằng tiền	44.132.424.140	47.302.220.045
Cộng	848.609.725.591	766.662.394.308

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	2015	2014
Mua sắm/ xây dựng tài sản trong kỳ chưa thanh toán	34.761.422.176	12.638.764.385
Mua sắm/ xây dựng tài sản chi trả năm trước tăng tài sản cố định trong kỳ này	216.987.295	1.607.884.372
Thu năm trước, tất toán tài sản năm nay	21.820.342.593	-
Cổ tức chưa thanh toán	955.091.956	904.142.978
Lãi tiền gửi còn dự thu	66.305.556	302.321.664

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	2015	2014
Lãi tiền gửi ngân hàng còn dự thu cuối kỳ trước đã thu trong kỳ này	302.321.664	493.884.175
Cổ tức năm trước được chi trả trong kỳ này	115.476.892	744.630.708
Mua sắm tài sản cố định năm trước chi trả trong kỳ này	5.135.186.603	14.653.652.242
Ứng trước tiền đầu tư mua sắm tài sản cố định	-	216.987.295

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn
Công ty Công trình giao thông Công Chánh
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước

Mối quan hệ

Công ty mẹ (nắm giữ 51% vốn Điều lệ)
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	2015	2014
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn		
Mua hàng hóa (nước sạch)	664.433.768.304	560.423.283.170
Mua vật tư	42.910.887.840	27.785.408.789
Thuê tài sản hoạt động	7.033.700.945	4.857.702.274
Lãi vay phải trả	1.334.514.732	1.676.027.627
Phải trả XDCB và TSCĐ	-	1.790.906.039
Phải trả do thu hộ và tiền dịch vụ khác	-	85.118.864
Phải thu do chi hộ	237.314.160	27.531.770
Thi công trụ cứu hỏa	1.141.424.108	-
Phải thu do cung cấp dịch vụ	-	920.891.981

Công ty Công trình giao thông Công Chánh

Phải trả ký quỹ, bảo lãnh thực hiện hợp đồng	-	20.000.000
Phải thu do cung cấp dịch vụ	-	36.260.121

Công ty Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Cấp nước

Phải trả phí thực hiện công trình XDCB, giá công đồng hồ nước	73.006.660	323.148.988
---	------------	-------------

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn		
Phải thu thương mại	4.824.731	118.106.686
Phải thu các khoản chi hộ	2.907.196.636	2.872.765.106
Phải trả thương mại	(55.138.494.438)	(22.130.004.005)
Phải trả phí thực hiện công trình XDCB	(11.695.848.413)	(13.229.536.477)
Phải trả tiền vay	(10.201.981.632)	(13.325.767.793)

Công ty Công trình giao thông Công Chánh

Phải trả đặt cọc di dời đường ống	(68.000.000)	(68.000.000)
Phải trả tiền ứng trước cung cấp dịch vụ	(49.999.839)	(49.999.839)

Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước

Ứng trước phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tự thiết kế, tư vấn giám sát công trình	530.176.060	509.716.595
---	-------------	-------------

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng .

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
Tiền lương	1.528.488.000	1.572.244.830
Các khoản bảo hiểm phải trả	44.306.816	42.607.857
Cộng	<u>1.572.794.816</u>	<u>1.614.852.687</u>

2. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động gồm: Bộ phận cung cấp nước sạch và bộ phận lắp đặt, di dời đồng hồ nước và các dịch vụ khác. Tuy nhiên, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung cấp nước sạch các lĩnh vực còn lại chiếm tỷ lệ nhỏ, không đáng kể.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra ở khu vực hoạt động kinh doanh của Công ty (thành phố Hồ Chí Minh).

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.16a và V.16b trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Các khoản vay	10.201.981.632	13.325.767.793
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(55.240.656.991)	(40.534.586.598)
Nợ thuần	(45.038.675.359)	(27.208.818.805)
Vốn chủ sở hữu	211.447.957.207	203.500.425.166
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>(0,21)</u>	<u>(0,13)</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.240.656.991	55.240.656.991	40.534.586.598	40.534.586.598
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	8.330.000	8.330.000	47.608.330.000	47.608.330.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.901.733.480	1.901.733.480	3.150.513.771	3.150.513.771
Phải thu khác	2.763.448.514	2.763.448.514	3.313.965.650	3.313.965.650
Cộng	59.914.168.985	59.914.168.985	94.607.396.019	94.607.396.019
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	10.201.981.632	10.201.981.632	13.325.767.793	13.325.767.793
Phải trả người bán ngắn hạn	56.477.339.535	56.477.339.535	25.444.285.612	25.444.285.612
Chi phí phải trả ngắn hạn	64.157.915.986	64.157.915.986	25.640.202.261	25.640.202.261
Phải trả khác	37.614.259.745	37.614.259.745	57.768.079.144	57.768.079.144
Cộng	168.451.496.898	168.451.496.898	122.178.334.810	122.178.334.810

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giải định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như trình bày tại Thuyết minh số V.2a và số V.2b.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá khác.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Toàn bộ các khoản vay của Công ty là từ Công ty mẹ và các Công ty trong cùng tập đoàn với lãi suất ổn định nên Công ty không có rủi ro về lãi suất.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng..).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.240.656.991	-	-	55.240.656.991
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	8.330.000	-	8.330.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.901.733.480	-	-	1.901.733.480
Phải thu khác	2.651.105.013	112.343.501	-	2.763.448.514
Cộng	59.793.495.484	120.673.501	-	59.914.168.985
Vay và nợ	2.502.862.548	6.406.633.426	1.292.485.658	10.201.981.632
Phải trả người bán ngắn hạn	56.477.339.535	-	-	56.477.339.535
Chi phí phải trả ngắn hạn	64.157.915.986	-	-	64.157.915.986
Phải trả khác	15.607.417.213	22.006.842.532	-	37.614.259.745
Cộng	138.745.535.282	28.413.475.958	1.292.485.658	168.451.496.898
Chênh lệch thanh khoản thuần	78.952.039.798	28.292.802.457	1.292.485.658	108.537.327.913
31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.534.586.598	-	-	40.534.586.598
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	47.600.000.000	8.330.000	-	47.608.330.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	3.150.513.771	-	-	3.150.513.771
Phải thu khác	3.175.086.770	138.878.880	-	3.313.965.650
Cộng	94.460.187.139	147.208.880	-	94.607.396.019
Vay và nợ	3.123.786.161	8.031.251.162	2.170.730.470	13.325.767.793
Phải trả người bán ngắn hạn	25.444.285.612	-	-	25.444.285.612
Chi phí phải trả ngắn hạn	25.640.202.261	-	-	25.640.202.261
Phải trả khác	36.615.509.303	21.152.569.841	-	57.768.079.144
Cộng	90.823.783.337	8.031.251.162	2.170.730.470	122.178.334.810
Chênh lệch thanh khoản thuần	(3.636.403.802)	7.884.042.282	2.170.730.470	27.570.938.791

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

4. Số liệu so sánh

Một số khoản mục tương ứng trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 do việc áp dụng Thông tư 200, chi tiết như sau:

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán

	Số dư 31/12/2014 (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Số dư 31/12/2014 (Đã được trình bày lại)
TÀI SẢN NGẮN HẠN			
Phải thu ngắn hạn khác	4.530.188.637	83.825.000	4.614.013.637
Tài sản ngắn hạn khác	222.703.880	(222.703.880)	-
TÀI SẢN DÀI HẠN			
Phải thu dài hạn khác	-	138.878.880	138.878.880
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Quỹ đầu tư phát triển	32.811.930.258	13.629.743.425	46.441.673.683
Quỹ dự phòng tài chính	13.629.743.425	(13.629.743.425)	-

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh


	Năm 2014 (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Năm 2014 (Đã được trình bày lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.867	(421)	1.446


5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 03 năm 2016




Lại Thị Thu
Kế toán trưởng


Vũ Thị Như Quỳnh
Người lập biểu

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính